

LUẬN DI LẶC BỒ TÁT SỞ VẤN KINH QUYỂN 2

Hỏi: Không thối chuyển là sao? Đáp: Vì các Bồ-tát chứng được địa bậc nhất, đó là nhân chắc chắn, và mãi về sau cho đến khi chưa được thành Phật, thường dùng tâm sâu xa mà tu hành như thật, theo thứ tự tăng trưởng tâm Bồ-đề, vì pháp đã được đối trị không có thể gây chướng ngại, cho nên gọi là không thối chuyển.

Hỏi: Còn có nghĩa nào khác mà gọi là không thối chuyển Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?

Đáp: Vì được thành tựu nhân không thối chuyển, nghĩa là có tám loại pháp như tâm sâu xa... vả lại, mọi pháp trái ngược với tâm không thối chuyển, là tất cả phiền não như thân kiến-tham... đều bị từ bỏ xa lìa do sức mạnh của Kiến đạo. Pháp chưa xa lìa được là tất cả phiền não như thân kiến..., từ vô thủy đến nay, tùy theo vô trí sinh ra, không có khả năng xa lìa, giữ lấy nhân của niềm vui như ngã... mà lìa phương tiện Bát nhã, bị sự áp bức do phiền não và khổ của thế gian, từ bỏ việc làm lợi ích cho tất cả chúng sinh mà chọn lấy cảnh giới Niết-bàn.

Vì vậy, khi đã có được tâm Từ Bi sâu xa thì Bồ-tát lìa bỏ nhân tố chấp trước vào những niềm vui như ngã... Có Bát nhã làm phương tiện, tuy bị vây ngặt trong khổ não của thế gian, Bồ-tát vẫn không từ bỏ mọi việc làm lợi ích cho chúng sinh. Khi đoạn trừ những phiền não căn bản như thân kiến, lúc đó Bồ-tát đạt được không thối chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì vậy Thánh giả Vô Tận Ý mới nói: “Tâm Bồ-tát xa lìa tất cả những phiền não sinh ra...”.

Hỏi: Nếu xa lìa các phiền não như thân kiến... gọi là nhân không thối chuyển, thì Bồ-tát và Tu-đà-hoàn đều xa lìa phiền não như thân kiến..., sao Bồ-tát không thối chuyển Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà Tu-đà-hoàn... lại thối chuyển?

Đáp: Vì tâm hành khác nhau. Câu này nói rõ về nghĩa gì? Bồ-tát

và Thanh văn từ lúc phát tâm đến nay, các tướng của tâm hành sai biệt hoàn toàn. Sai biệt thế nào? Người Thanh văn không có khả năng tu học nhân tố làm lợi ích cho người khác, vì vậy rời bỏ việc làm lợi ích cho chúng sinh mà tự cầu Niết-bàn cho mình. Họ thấy chúng sinh luôn bị đốt cháy do ngọn lửa phiền não như tham... trong ba cõi và còn bị áp bức do sự vô thường, cho nên họ chán ngán, muốn xa lìa ba cõi, như phải cởi bỏ cái áo đang mặc bị đốt cháy. Quán sát các hành hữu vi của năm ấm như vô thường... cho đến xa lìa kiết sử của ba cõi. Sau đó mọi phiền não như tham lam còn lại dần dần ít đi thì mới ra khỏi ba cõi.

Trong khi đó Bồ-tát chứng ngộ được tâm sâu xa mà luôn vui vẻ, làm mọi lợi ích cho tất cả thế gian, vì các chúng sinh mà làm lợi ích. Mặc dù bị khổ não thế gian vây ngặt, nhưng do thành tựu được phương tiện và năng lực trí tuệ, tuy có thể tu hành như thật đạo của Thanh văn, mà không mong chứng đạo của Thanh văn, vì trước đó đã đoạn trừ mọi chướng ngại và mọi pháp giữ lấy phần vị Thanh văn.

Pháp giữ lấy phần vị Thanh văn là gì? Nghĩa là từ bỏ tâm Đại Bi, không có khả năng làm lớn mạnh các hành của tâm Đại Bi.

Nếu các Bồ-tát đã chứng ngộ được tâm sâu xa... và tu hành các pháp phụ thuộc... của tâm Bồ-đề, thì có khả năng làm thành nhân tố chứng được quả vị Bồ-đề. Lúc đó, nhờ thấy được tất cả các pháp, giúp cho Bồ-tát có khả năng làm lớn mạnh thêm tâm Bồ-đề, vận dụng phương tiện suy tìm việc làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Chính lúc đó, Bồ-tát nhận thấy đúng như thật về pháp giới. Thấy được pháp giới, cho nên lập tức xa lìa được mọi phiền não do Kiến đạo sửa trị, tức là chứng ngộ được tâm đại Bồ-đề rốt ráo. Như trong kinh Thập Địa có nói: “Đại Bồ-tát phát sinh tâm như vậy, tâm này lấy Đại Bi làm đầu”. Bồ-tát đó chứng được Kiến đạo như vậy rồi liền vận dụng phương tiện suy tìm cách làm lợi ích cho tất cả các chúng sinh, khéo học tập pháp Đại Bi với tâm sâu xa..., xa lìa chấp ngã và sự ham thích, cho nên không bị lửa phiền não đốt cháy. Đó là nhân không giống nhau của hai bên.

Đại Bồ-tát tu hành là muốn làm lợi ích cho mọi người, ngay khi Kiến đạo thì Bồ-tát đã đoạn trừ tất cả phiền não trong ba cõi, nhưng hàng Thanh văn thì trước không tu tập phương tiện Từ Bi, cho nên không có việc làm lợi ích cho mọi người. Họ chỉ đoạn trừ phiền não dần dần, đến sau này chứng được phần vị A-la-hán.

Chính vì nghĩa này, cho nên trong kinh Đại Hải Tuệ Bồ-Tát, có đoạn nói: “Trước hết Bồ-tát đã tu tập thiện căn tương ưng với phiền não, đó là Đại Bi Ba-la-mật... Các pháp thiện này gọi là phiền não, chứ

không phải là phiền não nào khác. Dựa vào phiền não đó mà trú trong thế gian để giáo hóa chúng sinh, vì điều mong muốn cuối cùng của mình chưa được thỏa mãn.”

Do nghĩa này, tuy Bồ-tát còn phải xa lìa cùng một lúc tất cả phiền não như thân kiến... nhưng Bồ-tát vẫn không bao giờ lui bước đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thanh văn thì thối chuyển, như trong kinh A Nậu Đại Trì Thánh Giả Long Vương có đoạn nói: “Phật bảo Long vương: Phần vị mà Đại Bồ-tát đã chứng ngộ, là pháp xuất thế gian nhưng không xa lìa thế gian. Nay Long vương! Có phương tiện Bát nhã Thánh trí Tam-muội, đó gọi là phần vị xuất thế gian của Bồ-tát.

Này Long vương! Ví như Thanh văn chứng nhập phần vị Thanh văn, thì gọi là Tu-đà-hoàn, không rơi vào đường dữ. Nay Long vương! Bồ-tát cũng vậy, ngộ nhập phần vị Bồ-tát gọi là không thối chuyển, không rơi vào đường ác. Nay Long vương! Người Thanh văn không đoạn tuyệt phiền não, mà chọn lấy phần vị Thanh văn, và vì họ chưa thoát khỏi phiền não, cho nên chỉ chứng được phần vị ban đầu. Nay Long vương! Đại Bồ-tát đã vượt lên trên phần vị Thanh văn mà chứng ngộ phần vị Bồ-tát, cho nên không chọn lấy phần vị nhỏ nhoi của Thanh văn, mà chọn lấy, phần vị đại Bồ-đề nơi đạo tràng. Vì nghĩa này, cho nên Thanh văn thì có hạn lượng, mà Bồ-tát thì không hạn lượng.

Này Long vương! Ví như có hai người đều từ trên núi cao rơi xuống, một người thì khỏe mạnh đầy sức lực, trước đó đã từng tập luyện học hỏi những kỹ năng dùng trí phương tiện trèo ngược lên đỉnh núi. Còn người kia thể lực yếu kém, trước đây không hề luyện tập, học hỏi những kỹ năng và không có trí phương tiện, khi rơi xuống chân núi không có khả năng trèo lên được.

Này Long vương! Như vậy Đại Bồ-tát quán sát tất cả các pháp đều là không-Vô tướng-Vô nguyện-Vô vi. Bồ-tát dựa vào năng lực Bát nhã để quán sát chúng sinh, và trú trên đỉnh núi Nhất thiết chủng trí”.

Lại có kinh nói: “Này Đại đức Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đã đoạn tuyệt Vô lượng phiền não như thân kiến... nhưng không chọn lấy phần vị nhỏ bé của Thanh văn, mà chọn lấy phần vị đại Bồ-đề của chư Phật. Khi quán sát tất cả pháp Phật, Bồ-tát dùng tâm Đại Từ Bi thương xót tất cả chúng sinh, tu hành hạnh Bồ-tát, đoạn tuyệt tất cả phiền não như thân kiến... cho nên Bồ-tát không nhận lấy phần vị nhỏ nhoi của Thanh văn, mà chọn lấy phần vị đại Bồ-đề của chư Phật.

Tu-bồ-đề thưa với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Nay Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Việc này hiếm có. Bồ-tát với Đại phương tiện này, mặc dù đã đoạn

tuyệt tất cả phiền não như thân kiến... nhưng có thể không chọn lấy quả vị nhỏ bé của Thanh văn.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói: Nay Đại đức Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát có đại phương tiện thâm nhiếp mọi trí tánh. Vì vậy Bồ-tát tuy biết như thật về tất cả phiền não như thân kiến... kia, nhưng Bồ-tát có thể không chọn lấy quả vị nhỏ bé của Thanh văn. Nay Đại đức Tu-bồ-đề! Ví như một lực sĩ khổng lồ cầm dao bén chặt đứt cây Sa-la, thân cây Sa-la kia vẫn đứng yên không đổ. Đại đức Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, vì có trí tánh của Bát nhã phương tiện vĩ đại, cho nên Bồ-tát đã đoạn tuyệt được tất cả phiền não như thân kiến... mà có thể không chọn lấy quả vị nhỏ bé của Thanh văn. Nay Đại đức Tu-bồ-đề! Vào một lúc khác, thân cây Sa-la lại gặp mưa thấm nhuần, tức thì trở lại sinh ra nhánh lá hoa quả tròn vẹn như cũ để cho chúng sinh có thể dùng. Nay Đại đức Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, được thấm nhuần do nước mưa của tâm Đại Từ Bi, tuy đã đoạn tuyệt tất cả phiền não như thân kiến... nhưng vẫn còn vào lại ba cõi dùng phương tiện thị hiện sinh vào nhà thế gian tùy thuận mọi nhu cầu cần dùng cho chúng sinh. Nay Đại đức Tu-bồ-đề! Vào một thời gian sau này, cây Sa-la kia bị trận gió to thổi vào lay động lập tức ngã trên mặt đất và không còn sống lại nữa.

Nay Đại đức Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, sẽ có ngọn gió trí tuệ vĩ đại thổi mạnh làm cho Bồ-tát ở tại đạo tràng vĩnh viễn không sinh lại nữa”.

Vì vậy, Đại Bồ-tát từ khi phát tâm trở về sau, tất cả tâm hành đều khác với Thanh văn và Bích-chi-Phật, ấy là do các pháp hành và tâm của các Đại Bồ-tát xưa nay bất đồng. Nếu tất cả đều giống nhau thì Thanh văn làm Bồ-tát và Bồ-tát làm Thanh văn được sao!

Hỏi: Như người Thanh văn trước hết là đoạn trừ phiền não ở phần vị Kiến đạo, rồi sau đó tu tập dần mới đoạn tuyệt phiền não ở phần vị Tu đạo. Bồ-tát vì sao không giống như Thanh văn? Lại hỏi: Như Bồ-tát chọn lấy ở mãi trong vô lượng đời kiếp để tu tập vô lượng thiện căn, hàng Tu-đà-hoàn... vì sao không chọn lấy ở mãi trong vô lượng đời kiếp, cũng không tu tập vô lượng thiện căn?

Đáp: Tu-đà-hoàn... thường có tâm ưa đoạn trừ phiền não, dùng vô lậu đối trị cho sáng rõ lần hồi, họ sợ hãi đối với các thế gian. Sinh tâm như vậy, biết đến bao giờ mới lìa khỏi tất cả khổ đau để nhập Niết-bàn vô dư? Vì vậy phiền não còn sót lại trong phần vị Tu đạo sẽ hết dần theo tự nhiên. Chính vì nghĩa đó, cho nên Thanh văn không chọn lấy ở mãi trong vô lượng đời, cũng không tu tập vô lượng thiện căn.

Bồ-tát từ vô lượng kiếp đến nay, luôn làm lợi ích cho mọi chúng sinh. Vì tâm làm lợi ích cho mọi chúng sinh như vậy, cho nên Bồ-tát chứng được tâm niệm rất ráo. Hơn nữa, nhờ thấy được pháp giới cam lộ Chân như, Bồ-tát quán sát thân của tất cả chúng sinh mà thật sự không khác với điều mình đã mong cầu. Vì vậy Bồ-tát nhận thấy tất cả phiền não trong Tu đạo, có thể gây chướng ngại việc làm lợi ích cho chúng sinh, lập tức đoạn tuyệt tất cả phiền não đó trong Kiến đạo. Lại nữa, khi quán sát lợi ích của tất cả chúng sinh thì niềm vui hơn hẳn niềm vui của Niết-bàn, vì vậy Bồ-tát chọn lấy ở mãi trong vô lượng đời kiếp tại thế gian mà tu tập tất cả các hạnh. Nghĩa là với trí Nhất thiết trí, Bồ-tát cảm thấy sáng suốt khi tu tập vô lượng thiện căn Bồ-đề, sẽ đạt được lợi ích của Đại Bồ-đề, cho nên Bồ-tát tu tập vô lượng thiện căn.

Hỏi: Bồ-tát nếu thấy phiền não trong Tu đạo có thể gây chướng ngại đến việc làm lợi ích cho của chúng sinh, bởi vì nghĩa này mà phải đoạn trừ chúng ngay trong Kiến đạo. Nghĩa này thế nào? Có phải là trong Kiến đạo không dùng trí thế gian điều phục phiền não của Tu đạo?

Đáp: Xa lìa mọi phiền não thì gọi là nhân không thối chuyển. Nếu xa lìa đạo vô lậu mà nhận thấy các pháp và xa lìa đạo vô lậu mà đoạn tuyệt được tất cả phiền não, thì đó là chuyện khó khăn. Tại sao đạo lý thế gian không điều phục được phiền não của Tu đạo, nếu giống với đạo thế gian thì không có sức như vậy. Vì vậy không có thể nói là không thối chuyển. Tuy nhiên, Bồ-tát này ngay lúc Kiến đạo đã vĩnh viễn đoạn tuyệt tất cả pháp đối trị, chứng được tâm Đại Bi bình đẳng, phát sinh tâm đại Bồ-đề rất ráo, gọi là Bồ-tát không thối chuyển.

Nên biết vì vậy mà Bồ-tát đã thấy đúng như thật về pháp thành tựu mọi phương tiện, không nhận lấy quả vị của Thanh văn và Bích-chi-Phật. Bồ-tát thấy biết đúng như thật mọi lỗi lầm, tai họa của tất cả thế gian, vì muốn đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh mà làm mọi việc của thế gian, không từ bỏ thế gian, không hề bị hoen ố do lỗi lầm tai họa của thế gian, vì vậy Thánh giả Văn-thù-sư-lợi bảo với Thiên tử: Đại Bồ-tát không trú hữu vi, không trú vô vi, cho nên Bồ-tát được gọi là ruộng phước. Vì sao? Vì Bồ-tát xa lìa pháp hữu vi, không trú pháp vô vi. Vì biết hữu vi có lỗi, vô vi không có lỗi, vì biết tất cả lỗi lầm cho nên Bồ-tát không trú hữu vi, biết pháp vô vi, nhưng không trú vô vi. Này các Thiên tử! Ví như đại lực sĩ bắn tên vào hư không. Mũi tên không dính vào đâu nhưng không rơi xuống đất. Này các Thiên tử! Việc đó thật là khó nhưng vẫn còn cái khó hơn nữa.

Thiên tử thừa với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Đúng là việc như vậy hiểm có và rất khó, lại không có cái khó hơn. Văn-thù-sư-lợi bảo Thiên tử: Mọi việc Đại Bồ-tát làm còn khó hơn mọi thứ đó. Vì Đại Bồ-tát không từ bỏ hữu vi mà chứng vô vi, không rơi vào hữu vi mà có thể giáo hóa kẻ bị rơi vào hữu vi.

Hỏi: Kinh Như Lai nói: Nếu người Thanh văn thuộc về định cuối cùng, xa lìa ba kiết, chứng Tu-đà-hoàn, không rơi vào đường dữ, bảy lần trở lại cõi người-trời, vĩnh viễn xa lìa mọi thống khổ, thì cuối cùng chứng được đạo A-la-hán. Bồ-tát cũng đoạn trừ ba kiết như vậy, vì nghĩa gì không giống với Thanh văn, mà Bồ-tát trú Vô lượng đời?

Đáp: Nghĩa đó không đúng. Tại sao? Nói định cuối cùng là dựa vào kinh của hàng Thanh văn mà nói. Đại Bồ-tát dựa vào Vô lượng việc làm, dựa vào mong cầu Nhất thiết chủng trí, thanh tịnh đạo xuất thế gian có năng lực thanh tịnh được Nhất thiết trí. Trong kinh Đại thừa nói: Vì nghĩa đó cho nên Bồ-tát nhận ở lại trong Vô lượng đời kiếp.

Hỏi: Nghĩa này không đúng. Tại sao? Nếu ở địa bậc nhất, Đại Bồ-tát đã xa lìa hết mọi pháp đối trị, cuối cùng đạt được không thối chuyển đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bởi vì nghĩa gì mà trong kinh Văn Thù Sư Lợi Vấn Bồ Đề nói: Bồ-tát phát tâm lần đầu có thể vượt qua phần vị của Thanh văn. Phát tâm lần thứ hai có năng lực vượt qua phần vị của Bích-chi-Phật. Phát tâm lần thứ ba là không lui sụt mà vượt qua phần vị bất định. Phát tâm lần thứ tư là Nhất sinh bổ xứ an trú trong phần vị của định.

Đáp: Kinh ấy là dựa vào sự chứng được địa Thắng tiến, dựa trong xa lìa mà xa lìa mọi pháp đối trị, dựa vào địa của các địa trên mà nói là vượt qua phần vị bất định. Vì vậy, những gì đã nói ở kinh này không trái với kinh kia. Nghĩa này thế nào? Như pháp đối trị Sơ thiền, điều này trình bày về nghĩa gì? Như thiền vị lai của người Tiểu thừa là đoạn trừ nhân bất định và phiền não trong Tu đạo ở cõi Dục, cho đến thiền thứ tư cũng nói là đoạn tuyệt phiền não trong Tu đạo. Bởi vì pháp đối trị xa lìa trong xa lìa là hơn hết mà không trái ngược với nhau. Vì sao? Vì đối trị các nhân. Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, đoạn tuyệt hết thủy nhân lui sụt trái ngược với tâm Bồ-đề trong địa bậc nhất, nghĩa là đoạn tất cả phiền não như thân kiến... Vì tu hành mà thành tựu được tâm sâu xa, cuối cùng nhờ đó mà xa lìa nhân lui sụt của tâm Bồ-đề, cho đến địa thứ tám, pháp đối trị là được thắng tiến đến xa lìa hơn hết mọi xa lìa. Đó gọi là vượt qua phần vị bất định, an trú trong phần vị của định. Vì dùng các pháp đối trị, dùng nhân của định, cho nên nói nghĩa vượt qua phần vị bất định

thì không trái ngược nhau.

Lại nữa, nói vượt qua phần vị bất định, vì tâm chưa đoạn tuyệt với mong cầu đại Niết-bàn Bồ-đề của Phật, mà phát khởi những hành động có công dụng làm cho mỗi một, thì gọi là nhân của bất định. Vì vậy từ địa thứ tám trở lên mới nói là vượt qua phần vị bất định. Nghĩa này thế nào? Như xứ sở kia đã vượt qua mọi đau khổ... Nói rõ về nghĩa gì? Như trong Tiểu thừa nhằm chán muốn vượt qua nỗi thống khổ của cõi Dục. Trong chán ngán muốn vượt qua khổ của cõi Dục nhưng phần vị Sơ thiền chưa vượt qua nhân khổ như thức..., vì chưa vượt qua những pháp đối trị, cho nên trong kinh Như Lai nói: Vượt qua nỗi khổ trong thiền thứ hai. Như trong kinh nói: Cội rễ đau buồn diệt ở nơi nào? Đức Phật nói: Diệt trong sơ thiền. Lại hỏi: Cội rễ khổ đau diệt ở nơi nào? Phật nói: Diệt trong thiền thứ hai. Lại hỏi: Cội rễ vui mừng diệt ở nơi nào? Phật nói: Diệt trong thiền thứ ba. Lại hỏi: Cội rễ vui mừng diệt ở nơi nào? Phật nói: Diệt trong thiền thứ tư”. Như vậy vượt qua mọi cội rễ của sắc... Lúc nhằm chán sơ thiền, thì vượt qua mọi tướng của tất cả sắc, nhưng nhằm chán là nhân vượt qua trong thiền thứ tư, cho nên nói vượt qua thiền thứ tư. Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, ở trong địa bậc nhất đã vượt qua phần vị bất định. Từ địa thứ hai trở lên, cho đến bảy địa về sau, tâm mong cầu đại Niết-bàn Bồ-đề Phật chưa đoạn tuyệt, mà phát khởi nhân dụng công mỗi một trong việc làm, gọi là bất định địa. Vì vậy tâm của Thanh văn kia chưa đầy đủ nhân bất định.

Nói vượt qua phần vị bất định trong tám địa thì không hề trái ngược nhau. Lại nữa, cuối cùng được tâm Bồ-đề, là vì nhân duyên được hòa hợp đầy đủ.

Nói Bồ-tát mới phát tâm là đã vượt qua phần vị Thanh văn, thì Đức Như Lai cũng đã giảng nói trong kinh Pháp Ấn: “Này Di-lặc! Phát tâm Bồ-đề có bảy loại nhân. Những gì là bảy? Đó là:

1. Do chư Phật giáo hóa mà phát tâm Bồ-đề.
2. Thấy chánh pháp sắp diệt mà phát tâm Bồ-đề.
3. Đối với các chúng sinh phát khởi Đại Từ Bi mà phát tâm Bồ-đề.
4. Do Bồ-tát giáo hóa mà phát tâm Bồ-đề.
5. Nhờ vào bố thí mà phát tâm Bồ-đề.
6. Nhờ học hỏi với người khác mà phát tâm Bồ-đề.
7. Nghe người ta nói đến ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Như Lai, mà phát tâm Bồ-đề.

Này Di-lặc! Do chư Phật giáo hóa mà phát tâm Bồ-đề, thấy chánh

pháp sắp diệt mà phát tâm Bồ-đề, đối với các chúng sinh phát khởi Đại Từ Bi mà phát tâm Bồ-đề, ba cách phát tâm này có thể bảo vệ chánh pháp, nhanh chóng thành tựu phần vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bốn cách phát tâm còn lại không phải là những cách phát tâm chân thật của Bồ-tát không thể bảo vệ, duy trì chánh pháp của chư Phật và sớm thành tựu phần vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Điều này nói rõ nghĩa gì? Nếu Bồ-tát đã thành tựu tâm sâu xa, thì cuối cùng không lui sụt, có được tâm Đại Bi và năng lực đại dũng mãnh. Vì tất cả chúng sinh trong các thế gian đều bị mũi tên ngu si bắn trúng, mà Bồ-tát quan sát được rồi phát tâm Đại Từ Bi, thâm nhiếp các thiện căn, tích tụ lại và làm cho thiện căn phát triển lớn mạnh, cho nên nói Bồ-tát mới phát tâm là đã vượt qua phần vị Thanh văn. Phát tâm lần thứ hai là vượt lên trên phần vị Bích-chi-Phật. Người Bích-chi-Phật hơn hẳn người Thanh văn, hoàn toàn không vì người khác mà hoàn toàn vì mình cầu mong tịch diệt Niết-bàn. Nếu Bồ-tát mới quán sát pháp tánh cho đến khi quán sát pháp Nhẫn vô sinh, thì chưa vượt lên trên đạo bất định, mà vốn có phát sinh tâm niệm thấy đều có khả năng vượt qua phần vị của Thanh văn và Bích-chi-Phật.

Nói Bồ-tát phát tâm lần thứ hai thì vượt lên trên phần vị Bích-chi-Phật, và phát tâm lần thứ ba thì vượt lên trên phần vị bất định. Vì ở trong địa bậc nhất xa rời nhân của bất định và đạt được nhân của định. Vì hết thấy sự phát tâm đều vượt lên trên phần vị bất định.

Nói Bồ-tát phát tâm lần thứ ba thì vượt lên trên phần vị bất định và phát tâm lần thứ tư thì an trú trong phần vị của định. Từ địa thứ hai trở lên xa lìa hết thấy pháp đối trị, cho nên cuối cùng an trú trong phần vị của định. Nói Bồ-tát phát tâm lần thứ tư an trú trong phần vị của định là vậy.

Không thối chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nghĩa là Bồ-tát xa lìa được các pháp trái ngược khi phát tâm Bồ-đề, gọi là Bồ-tát không thối chuyển. Như trong kinh Bảo Nữ nói: Đây Bảo Nữ! Đại Bồ-tát có ba mươi hai con đường hầm hố trở ngại, là pháp trái ngược đối với việc phát tâm Bồ-đề. Ba mươi hai pháp đó là:

1. Mong cầu Thanh văn thừa.
2. Mong cầu Bích-chi-Phật thừa.
3. Mong cầu xứ sở của Đế Thích, Phạm thiên.
4. Dựa vào những nơi sinh thanh tịnh mới có thể tu tập phạm hạnh.
5. Chú trọng vào một đức hạnh vốn có mà nói là của mình.
6. Nếu được tài sản quý giá thì sinh tâm keo kiệt, tham lam, luyến

tiếc.

7. Dùng tâm đối đãi thiên vị mà bố thí cho chúng sinh.
8. Khinh dễ lời răn cấm.
9. Thực hành tinh chuyên mà tâm không nghĩ đến đạo.
10. Sự việc nóng giận cho là danh tiếng
11. Tâm niệm buông lung.
12. Dong ruổi, phiêu bạt.
13. Không mong cầu hiểu biết rộng.
14. Không xét việc mình làm.
15. Tự cao, tự đại.
16. Hành động của thân-miệng-tâm không có thể làm cho thanh

tịnh.

17. Không bảo vệ chánh pháp.
18. Phản bội công ơn của thầy.
19. Không rời bỏ điều ác.
20. Rời xa pháp quan trọng kiên cố.
21. Học theo những bạn bè xấu ác.
22. Thuận theo các loại ác.
23. Không chịu khó giúp đạo.
24. Ý niệm không có căn bản của thiện.
25. Đã phát ý đạo nhưng không có phương tiện quyền biến.
26. Không dùng tâm ân cần mà hỏi han than vãn Tam bảo.
27. Oán ghét các Bồ-tát.
28. Đối với pháp chưa được nghe mà nghe rồi thì phỉ báng.
29. Không hiểu rõ sự việc.
30. Luyện tập thực hành theo sách vở thế gian.
31. Không bằng lòng khuyên bảo giáo hóa các loài chúng sinh.
32. Chán ngán đối với sinh tử.”

Lại nữa, sở dĩ không thật lùi-không thay đổi, là vì các Bồ-tát hoàn toàn thọ trì pháp không thối chuyển. Như trong kinh Sa Lão La Long Vương có nói: “Này Long vương! Đại Bồ-tát đã thành tựu rốt ráo tám loại pháp, được gọi là hàng Bồ-tát không thật lùi-không thay đổi. Những gì là tám? Đó là tu hành đúng như pháp:

1. Suy xét lỗi mình, không suy xét lỗi người.
2. Thậm chí không vì thân mạng của mình mà gây ra điều tai hại đối với người khác.
3. Nếu có được lợi dưỡng thì tâm không tự cao. Nếu bị mất lợi dưỡng thì tâm cũng không mặc cảm tự ti.

4. Đối với mọi chúng sinh, phát sinh ý tưởng mình là ruộng phước, không nảy sinh tâm niệm xấu ác.

5. Tài sản vật dụng vốn có đều giúp cho tất cả chúng sinh cùng sử dụng.

6. Ở trong các pháp không muốn riêng mình hiểu biết khiến cho người khác không biết.

7. Thấy người khác có được niềm vui thì tâm cảm thấy hoan hỷ, chứ không vì niềm vui của mình mà sinh tâm hoan hỷ.

8. Tâm luôn bình đẳng với điều đáng mến và không đáng mến.

Đủ tám pháp này, thì Bồ-tát không lui sụt, không đổi thay đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hỏi: Cho nên nói về tướng không thay đổi. Thế nào là tướng không thay đổi?

Đáp: Đúng là điều mà tôi định nói thì ông lại hỏi. Bồ-tát thành tựu tướng không thay đổi, thì Như lai nói nhiều trong tất cả các kinh, nên biết! Như trong kinh Trí Ấn Tam Muội có đoạn nói: “Này Di-lặc! Có năm pháp gọi là tướng của Bồ-tát hoàn toàn không thay đổi đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là:

1. Khởi tâm bình đẳng đối với mọi chúng sinh

2. Không sinh tâm ganh ghét đối với lợi dưỡng của người khác.

3. Cho dù đụng đến mạng sống của mình, vẫn không nói mọi lỗi lầm xấu xa của Pháp sư Tỳ-kheo.

4. Suốt đời không tham đắm mọi điều như cúng dường-cung kính-khen ngợi ...

5. Cuối cùng đạt được pháp sâu xa và trí nhãn nhục.

Này Di-lặc! Lại có năm pháp gọi là Bồ-tát không thay đổi. Đó là:

1. Không thấy thân mạng mình

2. Không thấy thân mạng người khác

3. Tâm không phân biệt nói sai lạc về pháp giới.

4. Không chấp Bồ-đề.

5. Không dùng tướng để thấy Như Lai.

Vả lại, trong kinh Bát Nhã Ba-la-mật nói nhiều về tướng không thay đổi, như kinh ấy nói nên biết!

Hỏi: Thế nào là được pháp khác với tâm Bồ-đề? Nhân không thối chuyển tâm Bồ-đề khác với Bồ-đề Phật, mà gọi là tâm không thối chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đáp: Vì có được nhân quyết định. Ở đây nói rõ nghĩa gì? Vì Bồ-tát

ở địa bậc nhất đã thành tựu nhân cuối cùng. Vì dựa vào nhân cuối cùng này mà chứng đại Bồ-đề, cho nên gọi là nhất định không thối chuyển Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nói Vô thượng là bởi vì hơn hẳn tất cả pháp hữu vi.

Nói Chánh đẳng Chánh giác là vì xa lìa tất cả tập khí phiền não và các pháp bất thiện ở khắp mọi nơi, nó không có gì chướng ngại. Vì nhận biết đúng như thật về tất cả chủng loại của tất cả pháp, cho nên nói là Chánh đẳng Chánh giác.

Hỏi: Nên nói về công đức không lui sụt, không thay đổi. Thế nào là công đức không lui sụt, không thay đổi?

Đáp: Về công đức không lui sụt, không chuyển đổi, Đức Như Lai đã giảng nói rộng ở mọi nơi trong kinh, cho nên biết. Như trong kinh Thập Địa nói: Nay các Phật tử! Nếu có chúng sinh tích tập thiện căn sâu dày, khéo tích tập những thiện hạnh khéo tích tập những hành công đức, khéo cúng dường chư Phật, khéo tích tập những pháp thiện, khéo bảo vệ hàng thiện trí thức, khéo làm cho tâm thanh tịnh, tiến vào tâm sâu rộng, tuyệt đối tin tưởng và vui với pháp Đại thừa, hiện rõ tâm Đại Từ Bi. Chúng sinh như vậy mới có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Tích tập thiện căn sâu dày là từ khi mới phát tâm cho đến sau này, Bồ-tát có thể vượt lên trên tánh của Thanh văn và Bích-chi-Phật. Vì vậy có thể dùng làm chủng tử cho phần vị Bồ-tát không lui sụt, không thay đổi.

Thiện căn như tham... không phải là chủng tử chân chánh mà là do từ lâu đã tu tập vô lượng những việc làm công đức, cho nên nói là tích tập thiện căn sâu dày. Khéo tích tập những thiện hạnh, là nói Bồ-tát đã tu các hạnh chân chánh, gọi là tu những thiện hạnh, hạnh và tu sinh khởi khác nhau về tên gọi những nghĩa thì như nhau.

Lại nói hành, là thanh tịnh nghiệp thân-miệng-ý, tự sinh sống với đời sống chân chánh, vì các Bồ-tát đều xa rời tâm gây tổn hại, mà thành tựu mọi việc làm, đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh. Tất cả Thanh văn và Bích-chi-Phật... đều không thể vượt qua được biển cả trí tuệ, mà Bồ-tát thì có năng lực vượt qua được, cho nên nói Bồ-tát khéo tích tập những thiện hạnh. Khéo tích tập những hành công đức, là dùng các hạnh bố thí-nhẫn nhục-không phóng túng... bốn nhiếp pháp-bốn Vô lượng làm nhân giáo hóa chúng sinh, chủng tử các pháp đã tăng trưởng, đã được tích tập đúng đắn, cho nên nói là khéo tích tập những hành công đức.

Khéo cúng dường chư Phật, nghĩa là Bồ-tát dùng sức của nhân làm tăng trưởng lợi ích cho người khác, cũng chính là sự nghiệp của mình, Bồ-tát cảm thấy hân hoan Vô lượng mỗi khi cúng dường, mỗi khi cung kính, hay khi nghe chánh pháp... từ đời này sang đời khác, Bồ-tát luôn cúng dường cung kính chư Phật, cho nên nói là khéo cúng dường chư Phật.

Khéo tích tập những pháp thiện, là vì các Bồ-tát có Vô lượng môn, tích tập các việc làm như bố thí... tu tập các pháp thiện, nhận lấy Bồ-đề vĩ đại, thành tựu tâm một vị hồi hướng chân chánh, có thể thành tựu pháp không thoái chuyển, cho nên nói là khéo tích tập những pháp thiện.

Thiện tri thức khéo gia hộ, nghĩa là Phật, Như Lai chính là bậc thiện tri thức, luôn luôn gia hộ Bồ-tát, giúp cho sự phát tâm được tăng trưởng, an trú không lui sụt, không thay đổi trong chánh pháp, cho nên nói là thiện tri thức khéo gia hộ.

Khéo làm cho tâm thanh tịnh, là vì Bồ-tát không mong cầu niềm vui cho mình, chỉ chuyên tâm một vị đem lại lợi ích cho người khác. Mỗi mãi Bồ-tát không bị hoen ố do các thứ phiền não như tự ái... cho nên mới nói là khéo làm cho tâm thanh tịnh.

Tiến vào tâm sâu rộng là tập trung nhớ nghĩ rộng rãi, tốt đẹp trong pháp Đại thừa mà thành tựu nhân cuối cùng, cho nên nói là tiến vào tâm sâu rộng.

Tuyệt đối tin tưởng và vui với pháp Đại thừa, là khi phát tâm Đại thừa mà không khiếm nhược, không sợ hãi tất cả mọi nỗi thống khổ của thế gian. Thấy các chúng sinh mong cầu Tiểu thừa, Bồ-tát phát sinh tâm Đại Từ Bi, muốn ban niềm vui cho tất cả chúng sinh, biết nơi chốn của Nhất thiết chủng trí, Bồ-tát dùng năng lực phương tiện giúp chúng sinh đạt được, cho nên nói là tuyệt đối tin tưởng và vui với pháp Đại thừa. Bồ-tát hiện rõ tâm Đại Từ Bi là vì nhận thấy chúng sinh bị áp bức do mọi đau khổ của sự sống chết, không nhà-không bến và không ai cứu độ..., Bồ-tát phá tan mọi khổ đau phiền não đó giúp họ, thực hành bố thí, bố thí rộng lớn và bố thí cả những gì khó bố thí nhất. Dùng sức mạnh của phương tiện, Bồ-tát đi vào những nơi khổ để thể hiện lòng Từ Bi. Nói lòng từ là vì Bồ-tát mới phát tâm, năng lực còn kém, chỉ nguyện thương xót tất cả chúng sinh cho nên gọi là từ.

Còn lòng Bi là Bồ-tát tu hành vì tất cả chúng sinh. Chỉ cho chúng sinh tu hành như Bồ-tát để thoát khỏi khổ nạn. Ở trong pháp thù thắng mà phát tâm tối thượng như vậy, cho nên gọi là bi, nói là hiện rõ tâm

Đại Từ Bi đối với tất cả chúng sinh.

Lại nói không thối chuyển, Đại Bồ-tát có tám pháp, có khả năng thành tựu phần vị không thối chuyển. Đó là:

1. Tâm Đại Bi.
2. Tâm an trú.
3. Trí tuệ
4. Phương tiện.
5. Không buông lung.
6. Phát tâm tinh tiến.
7. Khéo trú niệm.
8. Gặp thiện tri thức.

Bồ-tát mới phát tâm cần phải nhanh chóng tu hành tám pháp này, như cứu lửa cháy trên đầu, rồi sau đó mới tu tập các hạnh khác. Ngoài các pháp không thối chuyển, Bồ-tát cũng dựa theo tám pháp này mà tu tập. Ngoài ra, còn có tất cả công đức không lui sụt không thay đổi. Tất cả các công đức không thối chuyển đó đã được nói rộng rãi khắp các kinh, cho nên biết.

Hỏi: Chỉ nói không lui sụt đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là đủ, sao lại còn nói không chuyển đổi? Vì đã có thể không lui sụt, tức là không thay đổi rồi?

Đáp: Vì đạt được nhân không lui sụt thì cuối cùng thành tựu tâm sâu xa, cho nên gọi là không lui sụt. Nói không thay đổi là vì dựa vào tâm niệm sâu xa không lui sụt, phát sinh tâm niệm với việc làm tốt đẹp hơn, tiến bộ hơn, cho nên gọi là không thay đổi.

Hỏi: Nếu vậy thì không lui sụt và không thay đổi lại không có nghĩa gì sai khác. Vì sao không thay đổi đối với không lui sụt mà lại tốt đẹp hơn?

Đáp: Nói không lui sụt là dựa vào tâm không gây tổn hại, là căn bản nghiệp đạo, khởi sự làm lợi ích cho mọi người, chứng được nghĩa tốt đẹp hơn hết. Nói không thay đổi là bởi vì tu hành thành tựu. Nói không lui sụt là nói đến sự đoạn tuyệt vĩnh viễn tất cả phiền não căn bản như thân kiến..., có thể làm chướng ngại đến pháp thù thắng.

Nói không thay đổi là vì đoạn diệt được căn bản Vô minh trong phần vị Tu đạo. Còn nói không lui sụt là vì khéo tích tập đầy đủ các công đức.

Nói không thay đổi là khéo tích tập đầy đủ trí tuệ. Còn nói không lui sụt là bởi vì thành tựu phương tiện.

Nói không thay đổi là nói về thành tựu Bát-nhã. Còn nói không lui

sự là vượt lên trên nhân của phần vị Thanh văn và Bích-chi-Phật.

Nói không thay đổi là vì Bồ-tát khéo tích tập được các thiện căn Bồ-đề. Còn nói không lui sụt là nói về thành tựu năng lực vĩ đại.

Nói không thay đổi là nói về thành tựu tu hành. Còn nói không lui sụt là nói về đầy đủ nhân để thành tựu mười lực.

Nói không thay đổi là nói về đầy đủ nhân thành tựu bốn pháp vô úy hải. Còn nói không lui sụt là dựa vào bạch pháp như Bồ thí Ba-la-mật... làm lợi ích cho chúng sinh.

Nói không thay đổi là đem các thiện căn mà Bồ thí... là vì chúng sinh mà hồi hướng đại Bồ-đề, vì làm lợi ích cho các chúng sinh mà luôn vui thích. Còn nói không lui sụt là nói về chứng được địa bậc nhất, không làm mất nhân của tâm Bồ-đề, mà được thành tựu tâm sâu xa ...

Nói không thay đổi là từ địa thứ hai trở lên thuộc về sự khởi tâm xây dựng mười thiện nghiệp đạo, khác với mười thiện nghiệp đạo của Bồ-tát khi tu hành Bồ thí... Cứ như vậy mà luôn tăng trưởng.

Hỏi: Pháp thắng tiến thì, nghĩa này thế nào?

Đáp: Vì tâm Từ Bi và việc Bồ-tát làm cứ ngày càng lớn dần. Trước hết là được pháp thiện thanh tịnh sau đó tiến triển tốt đẹp đến bậc trung bình và bậc cao. Vì nghĩa đó cho nên gọi là pháp thắng tiến.

Hàng phục tất cả các ma oán thù, bởi vì đè bẹp ma, hàng phục oán, hàng phục giặc thù, cho nên nói là hàng phục hết thấy các ma oán thù. Nghĩa này thế nào? Vì Bồ-tát đè bẹp mọi ma phiền não, Thiên ma luôn rình rập để tìm kiếm một ít lỗi lầm, nói là hàng phục tất cả các ma. Vì đạt được năng lực của Văn-Tư-Tu tuệ, làm lợi ích cho chúng sinh, cho nên oán thù càng không thể gây trở ngại được, cho nên nói là hàng phục hết thấy các oán. Hết thấy ngoại đạo luận sư đều không có khả năng bẻ gãy hay hàng phục, cho nên nói là hàng phục hết thấy giặc thù. Vì vậy cho nên mới nói là hàng phục hết thấy ma oán, giặc thù.

Vả lại, nhờ có năng lực Bát nhã đoạn trừ được ma phiền não, cho nên nói là hàng phục tất cả các ma. Nhờ sức phương tiện mà Bồ-tát có thể tu tập thiện căn Bồ-đề, vượt lên trên Niết-bàn oán thù mà Nhị thừa đã chứng được, cho nên mới nói là hàng phục tất cả các kẻ thù ma oán.

Hơn nữa, vì thành tựu các pháp về tâm sâu xa, lại vượt qua nhân của đạo ma, cho nên nói là hàng phục tất cả các ma, tâm mong cầu quả vị Nhất thiết trí không bao giờ dứt, là pháp khuất phục đối trị địch thủ khiến chúng mệt mỏi. Tâm mong cầu quả vị Nhất thiết trí đã đoạn tuyệt, là khi pháp khuất phục đã khiến địch thủ phải mệt mỏi, cho nên

nói là hàng phục tất cả địch thủ.

Vả lại, vì được mười loại Tự Tại mà Bồ-tát có khả năng hàng phục tất cả bốn ma, chư ấm... cho nên nói là hàng phục tất cả các ma.

Vì an trú chánh định tụ, vượt lên trên phần vị Thanh văn và Bích-chi-Phật mà Bồ-tát không mong, cho nên gọi là hàng phục kẻ thù oán.

Lại có khả năng khéo biết sự nghiệp của các ma, cho nên nói là hàng phục tất cả ma. Được các thiện nghiệp thanh tịnh của các Bồ-tát, có khả năng vượt lên trên tất cả nhân của các đạo ác, cho nên nói là hàng phục tất cả kẻ thù oán.

Lại có khả năng khéo gìn giữ các pháp đối trị... đối với các ma oán thù, vì vậy gọi là hàng phục tất cả các ma thù oán. Như trong kinh Phật nói: Này Long vương! Đại Bồ-tát vì thành tựu tám pháp cho nên có thể đè bẹp các ma thù oán. Tám pháp đó là:

1. Biết pháp năm ấm như huyễn hóa.
2. Xa rời tất cả phiền não như thân kiến... vì biết như thật về nghĩa Không.
3. Biết như thật về tất cả các hành hữu vi vốn không sinh mà sinh ra các thế gian.
4. Thường giáo hóa chúng sinh vì thường không rời bỏ tâm Bồ-đề.
5. Tâm luôn tu hành tinh tiến vững chắc, nhưng vẫn thường sợ hãi ba cõi.
6. Ngộ nhập với pháp không đáng ngộ nhập mà hằng mong cầu trí cao thượng bởi vì chúng sinh.
7. Thường tu tập công đức mà vẫn tin tưởng vì tướng vô thường.
8. Thường tu tập công đức trí tuệ, nhưng không mong cầu trí của Thanh văn và Bích-chi-Phật.

Hỏi: Cho nên nói về việc làm của Bồ-tát. Thế nào là việc làm của Bồ-tát?

Đáp: Việc làm của Bồ-tát, là Bồ-tát đã nhận thấy sâu xa về lợi ích của Niết-bàn và những lỗi lầm tai hại của thế gian, cho nên phát khởi tâm Đại Từ Bi, mà thâm nhiếp vào trí tuệ phương tiện, thường làm lợi ích cho chúng sinh mà tu hành, vì vậy gọi là thực hành hạnh của Bồ-tát.

Biết như thật về tướng và tự Thể của tất cả các pháp, là biết tất cả pháp, đúng như thật về tướng của nó. Tướng của tự Thể gọi là tướng, như tướng của tướng tự Thể của mọi pháp, Bồ-tát biết đúng như thật.

Hỏi: Cần phải nói như vậy: Biết tướng của tất cả các pháp chứ

không cho nên nói là biết tướng tự Thể của tất cả các pháp?

Đáp: Vì chứng minh pháp được thấy và pháp có thể thấy là không hai, cho nên nói là biết như thật về tướng tự Thể của tất cả các pháp. Nghĩa này thế nào? Vì chứng minh tướng tự Thể của các pháp là không lìa các pháp mà lại có tướng.

Hỏi: Nếu vậy thì cho nên nói như vậy: biết thể của các pháp chứ không cho nên nói là biết tướng của pháp?

Đáp: Không phải thế! Nếu nói như vậy thì không tránh khỏi lỗi lầm vừa nói. Đây là nói rõ về nghĩa gì? Như tướng của các pháp lìa các pháp mà lại có tự Thể, thì e rằng chọn lấy như vậy chỉ vì che chở cho lỗi lầm kia. Nói cách khác, đây là chứng tỏ nghĩa gì? Tức là tướng của tự Thể tách rời tự Thể thì không có tướng nào nữa, tự Thể và tướng tuy tên khác mà nghĩa chỉ là một. Vì vậy nói là biết như thật về tướng tự Thể của tất cả các pháp, không giống như vấn nạn trước đây đã nói:

Hỏi: Vì sao gọi là tướng của tự Thể?

Đáp: Nếu biết như thật về tất cả nhân duyên của các pháp, mà có tướng của tự Thể không thật. Đây là chứng minh về nghĩa gì? Vì các Bồ-tát luôn tùy thuận trí tuệ xuất thế gian, có thể biết như thật về Thể của các pháp đó. Có khả năng biết như thật về Thể của các pháp, là vì thấy tất cả các hành của hữu vi đều dựa vào nhân duyên mà có chứ không thường còn không đoạn diệt. Chính vì nghĩa này cho nên không vướng vào sự chấp trước hư vọng về đoạn thường, có và không có đều như nhau mà thành tựu Trung đạo. Thấy biết đúng như thật về các hành hữu vi đều hư vọng không thật, bởi vì đạt được tâm thanh tịnh mà biết các hành của hữu vi đều do phân biệt hư vọng, cho nên lìa xa nhân cấu trược như phá giới..., đầy đủ giới hạnh thanh tịnh, ngay cả khi chưa thành Phật về sau vẫn tu tập thiện căn, làm nhân mang lại yên vui cho tất cả chúng sinh, khiến cho họ đạt được Nhất thiết chủng trí.

